

-----*-----
Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2023
V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Hơn.

2. Ông Phan Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Hồng Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 308/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Lê Thị Hoa N**, sinh năm 197* (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TN1, xã PT, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Huỳnh Văn T**, sinh năm 197* (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TN1, xã PT, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị Hoa N trình bày:* Chị và anh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã PT. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T không lo cho gia đình, thường hay uống rượu kiếm chuyện chửi chị. Đến năm 2006, anh T bị tai nạn giao thông, cha mẹ chồng yêu cầu vợ chồng chị về sống chung với cha mẹ chồng (vì sau khi cưới vợ chồng cất nhà ở riêng), trong quá trình chung sống với gia đình chồng cũng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do kinh tế gia đình khó khăn, anh T không phụ chị nuôi con, anh T không thay đổi tính tình càng chửi chị nhiều hơn, để có tiền nuôi con chị phải dẫn hai con về nhà mẹ ruột ở để chị đi làm. Vợ chồng ly thân từ

năm 2006 đến nay, chị và anh T ở cùng ấp nhưng từ đó đến nay, anh T chưa từng đến thăm con và không lần nào gặp chị để trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Phần đất diện tích 2.000m², thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 17, chị yêu cầu chia cho chị 1.000m². Ngày 28/11/2022, chị rút lại yêu cầu về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Tại Biên bản lấy lời khai bị đơn Huỳnh Văn T trình bày: Vợ chồng anh kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã PT. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng từ khi anh bị tai nạn thì chị N và 02 con về bên mẹ chị N sống đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh còn tình cảm với chị N. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị N, anh không đồng ý, vì phần đất mà chị N yêu cầu chia là tài sản riêng của anh.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Và về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, chị N được ly hôn với anh T. Về con chung: Không yêu cầu; Nợ chung: Không có nên không xem xét. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của chị N về việc yêu cầu chia cho chị 1.000m², thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 17.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã PT cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 29, ngày 15/4/2002 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng: Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ngày 27/12/2022, chị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt anh T và chị N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N yêu cầu được ly hôn với anh T do anh T không lo cho gia đình, thường hay uống rượu kiếm chuyện chửi chị, kinh tế gia đình khó khăn, anh T không phụ chị nuôi con, để có tiền nuôi con chị phải dẫn hai con về nhà mẹ ruột ở để chị đi làm. Vợ chồng ly thân từ năm 2006 đến nay, không gặp nhau trao đổi hàn gắn tình cảm. Anh T không đồng ý ly hôn với chị N, vì còn tình cảm với chị N. Xét thấy, vợ chồng chị N, anh T đã ly thân từ năm 2006 đến nay nhưng hai bên không gặp nhau trao đổi hàn gắn tình cảm. Hiện nay, chị N không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Anh T không đồng ý ly hôn với chị N, tuy nhiên

đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không đến Tòa để tham dự các phiên họp hòa giải, chứng tỏ anh T muốn bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình, không còn thiết tha hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Không yêu cầu; Nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung: Ngày 28/11/2022, chị N rút lại yêu cầu về việc yêu cầu chia cho chị 1.000m², thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 17 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử:**

- Về quan hệ hôn nhân:
 - + Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Hoa N.
 - + Chị Lê Thị Hoa N được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.
- Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của chị N về việc yêu cầu yêu cầu chia cho chị 1.000m², thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 17.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.300.000 đồng theo biên lai số 0007973 ngày 23/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Hoàn lại chị N số tiền tạm ứng án phí là 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, các đương sự được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:*

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã PT;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An